TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày 04/5/2022
Về việc: "Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Trà**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Minh Ngọc**
Bà **Phan Thị Thanh Dung**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mùi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Việt Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2022 về: "*Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thi T, sinh năm: 1983; có mặt

Bị đơn: Ông Lê L, sinh năm: 1979; vắng mặt

Cùng trú tại: Tổ 1, thôn Trung T, xã Tam Q, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Thư trình bày: bà và ông Lời tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại UBND xã Tam Q, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là ông L Tòng xuyên đánh đập bà, mỗi lần ông L uống rượu vào là không kiềm chế mà đánh bà rất mạnh. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê L.

Về con chung có 02 cháu Lê Nhật A, sinh năm: 2005 và Lê Nhật L, sinh năm: 2010. Nếu ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu Anh, giao cháu L cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cho mượn nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông L trình bày: Về thời điểm vợ chồng chung sống và kết hôn ông đồng ý như bà Thư đã khai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nay bà T xin ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung có 02 cháu Lê Nhật A, sinh năm: 2005 và Lê Nhật L, sinh năm: 2010. Nếu ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu L, giao cháu A cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cho mượn nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên toà, của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông L là hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng sống không hạnh phúc, Tòng xuyên mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Thư là ông L Tòng xuyên đánh đập bà. Nay bà Th xin ly hôn thì ông L không đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX xét chấp nhận cho bà Th được ly hôn với ông L.

Về con chung: có 02 cháu Lê Nhật A, sinh năm: 2005 và Lê Nhật L, sinh năm: 2010. Bà T và ông L thống nhất giao cháu A cho bà T nuôi dưỡng, giao cháu L cho ông L nuôi dưỡng nên đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận này của các bên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xử lý.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xử lý.

Nợ chung, cho mượn nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thi T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê L, có địa chỉ nơi cư trú tại: trú tại: Tổ 1, thôn Trung T, xã Tam Q, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy yêu cầu tại đơn khởi kiện của bà Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Tòa án nhân nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật có trA chấp phải giải quyết là: "Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thi T và ông Lê L tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại UBND xã Tam Q, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống thì giữa bà Thư và ông Lời phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T do ông L thường xuyên đánh đập bà, mỗi lần ông Lời uống rượu vào là không kiềm chế mà đánh bà rất mạnh. Nay bà T xin ly hôn thì ông L không đồng ý. Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên lên để hòa giải thì ông Lời không đến tham gia và không có hướng khắc phục mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Thư và ông L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thi T được ly hôn với ông Lê L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: có 02 cháu Lê Nhật A, sinh năm: 2005 và Lê Nhật L, sinh năm: 2010. Bà T và ông L thống nhất giao cháu A cho bà Thư nuôi dưỡng, giao cháu L cho ông L nuôi dưỡng. Cháu A có nguyện vọng ở với mẹ, cháu L có nguyện vọng được ở với ba. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định bình Tòng về vật chất lẫn tinh thần cho các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các bên giao cháu Anh cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nợ chung, cho mượn nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thi T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ

thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thi T về: *"Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"* đối với bị đơn ông Lê L .

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Thi T được ly hôn với ông Lê L

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Lê Nhật A cho bà Thư trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Nhật L cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành, không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên (Nguyễn Thị Thi T , ông Lê L) có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Bà Thư và ông Lời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Thi T phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Thi T đã nộp tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0010936 ngày 13/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 04/5/2022 , bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS h.Núi Thành;
- UBND xã Tam Giang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Thị Hoàng Trà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Văn Xô